TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**05**/HNGĐ-ST
Ngày: 25 -3-2022
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Quốc Tuấn
2. Ông Hà Văn Tý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái*** *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đồng Thị M**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Bản T, xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
"Vắng mặt có lý do"

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1992
Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm - Bộ Công an; địa chỉ: Xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.
"Vắng mặt có lý do"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Đồng Thị M trình bày: Chị và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2016 tại UBND xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chị về sống cùng với gia đình nhà chồng tại bản Tào, xã Hạnh Sơn, thị xã Nghĩa Lộ. Quá trình chung sống chị phát hiện ra anh T sử dụng chất ma túy, đãn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 9/2020 vợ chồng đã sống ly thân, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã T, thị xã N ở. Nay chị xác định không còn tình cảm đối với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Tại bản tự khai anh Lò Văn T trình bày anh và chị Đồng Thị M đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống đến năm 2020 phát sinh. Nguyên nhân là do anh nghiện ma túy, vi phạm pháp luật phải đi tù. Đến nay chị M xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị M và anh T khai thống nhất có 01 con chung là Lò Khánh D, sinh ngày 03/11/2017. Ly hôn chị M nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn T, anh T đã có bản tự khai nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, do anh Thanh hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa không có mặt tại địa phương nên nguyên đơn chị Đồng Thị M yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản xác minh thể hiện, chị Đồng Thị M và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đúng như chị M trình bày. Sau khi kết hôn, chung sống anh T nghiện chất ma túy nên 2 vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020, chị M đã về bên ngoại ở. Đến tháng 6/2021 anh T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị M xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đồng Thị M, xử cho cho chị Đồng Thị M được ly hôn với anh Lò Văn T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cho chị Đồng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lò Khánh D, sinh ngày 03/11/2017. Do chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập để giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ngày 22/11/2021 chị Đồng Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, nhưng cả 2 đương sự chị Đồng Thị M và anh Lò Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Đồng Thị M và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái, tỉnh Yên Bái.Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Đồng Thị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*:

Chị M và anh T có con chung là Lò Khánh D, sinh ngày 03/11/2017. Chị M có nguyện vọng được nuôi con, anh T đề nghị giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét hiện nay anh T đang phải chấp hành án phạt tù, không thể trực tiếp nuôi con được nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu D cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị M không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đồng Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đồng Thị M được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung:

Xử giao cho chị Đồng Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lò Khánh D, sinh ngày 03/11/2017.

Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi cón có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đồng Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2017/0001070 ngày 07/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị Mến đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị M và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Phú